



B. GIÁ PHÒNG - TIÊM CHỦNG

STT	NỘI DUNG ĐIỀU TRỊ	GIÁ			GHI CHÚ
		BHYT & Dịch vụ (theo NQ118)	Dịch vụ theo yêu cầu	Dịch vụ ngoài giờ	
GIÁ PHÒNG					
I	GIÁ NGÀY GIƯỜNG BỆNH (ÁP DỤNG BN BHYT)				
1	KHOA HSCC				
	Giường Hồi sức cấp cứu - Khoa Hồi sức cấp cứu [Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu]	418.500 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 1 - Khoa Hồi sức cấp cứu [Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu]	257.100 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 1 - Khoa Nội tổng hợp [Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa nội tổng hợp]	257.100 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 1 - Khoa Nhi [Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi]	257.100 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Ngoại tổng hợp [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp]	222.300 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Phụ - Sản [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản]	222.300 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Tai - Mũi - Họng [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng]	222.300 đ/người/ngày			

	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Mắt [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt]	222.300 đ/người/ngày			
2	KHOA NỘI NHIỄM				
	Giường Hồi sức tích cực - Khoa Nội tổng hợp [Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Nội tổng hợp]	418.500 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 1 - Khoa Nội tổng hợp [Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa nội tổng hợp]	257.100 đ/người/ngày			
3	KHOA NHI				
	Giường Hồi sức cấp cứu - Khoa Nhi [Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Nhi]	418.500 đ/người/ngày			
	Giường Nội khoa loại 1 - Khoa Nhi [Giường Nội khoa loại 1 Hạng II - Khoa Nhi]	257.100 đ/người/ngày			
4	KHOA SẢN				
	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Phụ - Sản [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản]	222.300 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 1 - Khoa Phụ - Sản [Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Phụ - Sản]	341.800 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 2 - Khoa Phụ - Sản [Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Phụ - Sản]	301.600 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 3 - Khoa Phụ - Sản [Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Phụ - Sản]	269.200 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 4 - Khoa Phụ - Sản [Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Phụ - Sản]	229.200 đ/người/ngày			
5	KHOA MẮT				
	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Mắt [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt]	222.300 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 1 - Khoa Mắt [Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Mắt]	341.800 đ/người/ngày			

	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt [Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Mắt]	301.600 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 3 - Khoa Mắt [Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Mắt]	269.200 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 4 - Khoa Mắt [Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Mắt]	229.200 đ/người/ngày			
6	KHOA TMH				
	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Tai - Mũi - Họng [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng]	222.300 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 1 - Khoa Tai - Mũi - Họng [Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng]	341.800 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 2 - Khoa Tai - Mũi - Họng [Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng]	301.600 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng [Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng]	269.200 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 4 - Khoa Tai - Mũi - Họng [Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Tai - Mũi - Họng]	229.200 đ/người/ngày			
7	KHOA NGOẠI				
	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Ngoại tổng hợp [Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp]	222.300 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 1 - Khoa Ngoại tổng hợp [Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp]	341.800 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 2 - Khoa Ngoại tổng hợp [Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp]	301.600 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 3 - Khoa Ngoại tổng hợp [Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp]	269.200 đ/người/ngày			
	Giường Ngoại khoa loại 4 - Khoa Ngoại tổng hợp [Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II - Khoa Ngoại tổng hợp]	229.200 đ/người/ngày			

II	GIÁ NGÀY GIƯỜNG BỆNH (BN DV)				
1	Loại 1 giường/phòng (Bao gồm : tủ lạnh, tivi, máy lạnh, máy nóng lạnh)		2.100.000 đ/người/ngày (87.500/giờ)	2.100.000 đ/người/ngày (87.500/giờ)	
2	Loại 2 giường/phòng (Bao gồm : tủ lạnh, tivi, máy lạnh, máy nóng lạnh)		1.050.000 đ/người/ngày (43.750/giờ)	1.050.000 đ/người/ngày (43.750/giờ)	
3	Loại 3 giường/phòng (Bao gồm : tủ lạnh, tivi, máy lạnh, máy nóng lạnh)		690.000 đ/người/ngày (28.750/giờ)	690.000 đ/người/ngày (28.750/giờ)	
4	Loại 4 giường/phòng (Bao gồm : máy lạnh, máy nóng lạnh)		504.000 đ/người/ngày (21.000/giờ)	504.000 đ/người/ngày (21.000/giờ)	
5	Loại 4 giường/phòng [Nhi] (Bao gồm : máy lạnh)		396.000 đ/người/ngày (16.500/giờ)	396.000 đ/người/ngày (16.500/giờ)	
6	Tiền giường gây mê hồi sức		504.000 đ/người/ngày (21.000/giờ)	504.000 đ/người/ngày (21.000/giờ)	
III	PHỤ THU CHÊNH LỆCH PHÒNG DV				
a	Đối với giường nội khoa khoa Nội/Nhi				
1	CHÊNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 1 GIƯỜNG (Nội/ nhi)		1.842.900/ngày	1.842.900/ngày	
2	CHÊNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 2 GIƯỜNG (Nội/ nhi)		792.900/ngày	792.900/ngày	
3	CHÊNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 3 GIƯỜNG (Nội/ nhi)		432.900/ngày	432.900/ngày	
4	CHÊNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 4 GIƯỜNG (Nội/nhi)		246.900/ngày	246.900/ngày	

5	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 4 GIƯỜNG (Nhi)		138.900/ngày	138.900/ngày	
b	Đối với giường nội khoa khoa Ngoại, Sản, Mắt, TMH				
1	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 1 GIƯỜNG (NG/S/TMH/M)		1.877.700/ngày	1.877.700/ngày	
2	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 2 GIƯỜNG (NG/S/TMH/M)		827.700/ngày	827.700/ngày	
3	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 3 GIƯỜNG (NG/S/TMH/M)		467.700/ngày	467.700/ngày	
4	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 4 GIƯỜNG (NG/S/TMH/M)		281.700/ngày	281.700/ngày	
c	Đối với giường ngoại khoa loại 1 (Sau phẫu thuật loại Đặc Biệt, Bỏng 3-4 > 75%)				
1	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 1 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 1 - SAU PT LOẠI ĐB)		1.758.200/ngày	1.758.200/ngày	
2	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 2 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 1 - SAU PT LOẠI ĐB)		708.200/ngày	708.200/ngày	
3	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 3 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 1 - SAU PT LOẠI ĐB)		348.200/ngày	348.200/ngày	
4	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 4 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 1 - SAU PT LOẠI ĐB)		162.200/ngày	162.200/ngày	
d	Đối với giường ngoại khoa loại 2 (sau phẫu thuật loại 1, Bỏng độ 3 -4 từ 25% - 70%)				
1	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 1 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 2 - SAU PT LOẠI I)		1.798.400/ngày	1.798.400/ngày	
2	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 2 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 2 - SAU PT LOẠI I)		748.400/ngày	748.400/ngày	
3	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 3 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 2 - SAU PT LOẠI I)		388.400/ngày	388.400/ngày	
4	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 4 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 2 - SAU PT LOẠI I)		202.400/ngày	202.400/ngày	

e	Đối với giường ngoại khoa loại 3 (sau phẫu thuật loại II, Bồng độ 2 > 30% Độ 3-4 < 25%)				
1	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 1 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 3 - SAU PT LOẠI II)		1.830.800/ngày	1.830.800/ngày	
2	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 2 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 3 - SAU PT LOẠI II)		780.800/ngày	780.800/ngày	
3	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 3 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 3 - SAU PT LOẠI II)		420.800/ngày	420.800/ngày	
4	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 4 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 3 - SAU PT LOẠI II)		234.800/ngày	234.800/ngày	
f	Đối với giường ngoại khoa loại 4 (sau phẫu thuật loại III, Bồng độ 1,2 < 30%)				
1	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 1 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 4 - SAU PT LOẠI III)		1.870.800/ngày	1.870.800/ngày	
2	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 2 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 4 - SAU PT LOẠI III)		820.800/ngày	820.800/ngày	
3	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 3 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 4 - SAU PT LOẠI III)		460.800/ngày	460.800/ngày	
4	CHÈNH LỆCH TIỀN PHÒNG LOẠI 4 GIƯỜNG (GIƯỜNG NGOẠI KHOA LOẠI 4 - SAU PT LOẠI III)		274.800/ngày	274.800/ngày	
IV	GIÁ TẠM ỨNG				
	Thực hiện theo đúng qui định đã ban hành. Áp dụng cho cả bệnh nhân dịch vụ và BN BHYT				
V	KHÁC				
1	Ghế bố cho thân nhân			30.000/ghế/ngày	
2	Thay ra giường thêm			10.000/lần	

TIÊM NGỪA VACCIN

1	TƯ VẤN		50,000	50,000	
2	VIÊM MÀNG NÃO MÔ CẦU ACYW-135		1,200,000	1,200,000	
3	VIÊM MÀNG NÃO MÔ CẦU B&C		250,000	250,000	
4	THỦY ĐẬU (TRÁI RẠ)		840,000	840,000	
5	SỞI - QUAI BỊ - RUBELLA		270,000	270,000	
			700,000	700,000	
			220,000	220,000	
6	NGỪA ĐẠI		230,000	230,000	
			340,000	340,000	
7	VIÊM NÃO NHẬT BẢN B		120,000	120,000	
			700,000	700,000	
8	NGỪA VIÊM GAN SIÊU VI B TRẺ EM		100,000	100,000	
9	NGỪA VIÊM GAN SIÊU VI B NGƯỜI LỚN		150,000	150,000	
10	NGỪA CÚM NGƯỜI LỚN		330,000	330,000	
			300,000	300,000	
			340,000	340,000	
11	NGỪA BỆNH THƯƠNG HÀN		240,000	240,000	
12	NGỪA BỆNH VIÊM GAN SV A (< 16T)		430,000	430,000	
13	TIÊU CHẢY (do Rotavirus)		770,000	770,000	
14	PHẾ CẦU KHUẨN		900,000	900,000	
15	CÁC BỆNH DO PHẾ CẦU		1,220,000	1,220,000	
16	VACXIN 6 TRONG 1 (BẠCH HẦU - HO GÀ - UỐN VÁN - VIÊM GAN B - BẠI LIỆT - HIB)		930,000	930,000	
17	VACXIN 4 TRONG 1 (BẠCH HẦU - HO GÀ - UỐN VÁN - BẠI LIỆT)		490,000	490,000	

18	NGỪA UNG THƯ DO HPV		2,650,000	2,650,000	
19	NGỪA UNG THƯ CỔ TỬ CUNG		1,600,000	1,600,000	
20	NGỪA VIÊM GAN A		170,000	170,000	
			500,000	500,000	
21	BẠCH HẦU - HO GÀ - UỐN VÁN		670,000	670,000	
22	NGỪA VIÊM GAN A + B		540,000	540,000	
23	SỐT XUẤT HUYẾT		1,060,000	1,060,000	
24	NÃO MÔ CẦU TUÝP B		1,630,000	1,630,000	